

## DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Môn học: Đất nước học Áo - Thụy Sĩ (61GER4SAS)

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, ngày 30/10/2024

Số tín chỉ: 2

Phòng thi:

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV	Thi [60%]	Điểm thi	Ký tên	Ghi chú
1	4SAS-01	2007050002	Bùi Đình Thị Ngọc	Anh			
2	4SAS-02	2107050002	Đào Tuấn	Anh			
3	4SAS-03	2107050004	Đỗ Phương	Anh			
4	4SAS-04	2107050006	Hà Phương	Anh			
5	4SAS-05	2007050006	Lê Quỳnh	Anh			
6	4SAS-06	2107050007	Nguyễn Phương	Anh			
7	4SAS-07	2107050008	Nguyễn Phương	Anh			
8	4SAS-08	2107050012	Phạm Ngọc	Anh			
9	4SAS-09	2107050016	Đoàn Trọng	Bình			
10	4SAS-10	2107050018	Nguyễn Quỳnh	Chi			
11	4SAS-11	2007050026	Nguyễn Bùi Hoàng	Diệp			
12	4SAS-12	2007050027	Nguyễn Thị Huyền	Dịu			
13	4SAS-13	2107050028	Nguyễn Việt	Dương			
14	4SAS-14	2207050023	Đặng Tiến	Đạt			
15	4SAS-15	2007050036	Nguyễn Hương	Giang			
16	4SAS-16	2007050037	Nguyễn Hương	Giang			
17	4SAS-17	2107050030	Nguyễn Thị	Giang			
18	4SAS-18	2007050041	Đỗ Thị Thu	Hà			
19	4SAS-19	2107050032	Nguyễn Thu	Hà			
20	4SAS-20	2107050033	Kim Thanh	Hải			
21	4SAS-21	2207050035	Dương Thị Lệ	Hằng			
22	4SAS-22	2107050034	Hoàng Thị	Hằng			
23	4SAS-23	2107050037	Nguyễn Thị	Hậu			
24	4SAS-24	2107050038	Ngô Thanh	Hiền			
25	4SAS-25	2107050041	Bùi Phương	Hoa			
26	4SAS-26	2107050042	Trần Thị Thanh	Hoa			
27	4SAS-27	2107050043	Triệu Thị	Hòa			
28	4SAS-28	2007050056	Lê Đào Thanh	Hoan			
29	4SAS-29	2107050044	Đào Minh	Hùng			

30	4SAS-30	2107050050	Nguyễn Thị Khánh	Huyền				
31	4SAS-31	2107050045	Đoàn Diệu	Hương				
32	4SAS-32	2207050053	Đỗ Thị Minh	Khánh				
33	4SAS-33	2007050069	Cao Lê Thùy	Linh				
34	4SAS-34	2107050055	Ngô Khánh	Linh				
35	4SAS-35	2007050072	Nguyễn Khánh	Linh				
36	4SAS-36	2107050058	Nguyễn Thị Kiều	Linh				
37	4SAS-37	2107050064	Nguyễn Thị Thùy	Linh				
38	4SAS-38	2007050075	Nguyễn Việt Phương	Linh				
39	4SAS-39	2007050081	Mâu Yên	Ly				
40	4SAS-40	2107050070	Phạm Quỳnh	Mai				
41	4SAS-41	2107050072	Nguyễn Tuệ	Minh				
42	4SAS-42	2107050073	Đặng Thị Trà	My				
43	4SAS-43	2207050081	Nguyễn Thị Kim	Ngân				
44	4SAS-44	2107050081	Vũ Khánh	Ngân	CT	CT	CT	CT nợ HP
45	4SAS-45	2107050084	Phạm Thị Linh	Ngọc				
46	4SAS-46	2107050086	Hoàng Thu	Nguyệt				
47	4SAS-47	2107050088	Phạm Thị Linh	Nhi				
48	4SAS-48	2107050091	Hà Phong	Như				
49	4SAS-49	2107050093	Đỗ Thị Kim	Oanh				
50	4SAS-50	2207050098	Phạm Thị Lan	Phương				
51	4SAS-51	2107050097	Đỗ Thị Thanh	Phượng				
52	4SAS-52	2107050101	Hoàng Hải Hà	Sinh				
53	4SAS-53	2207050102	Phạm Phương	Thanh				
54	4SAS-54	2107050108	Lương Quang	Thành				
55	4SAS-55	2007050131	Bùi Phương	Thảo				
56	4SAS-56	2007050132	Đỗ Ngọc	Thảo				
57	4SAS-57	2107050116	Nguyễn Hương	Thảo				
58	4SAS-58	2107050114	Trần Thị	Thảo				
59	4SAS-59	2107050113	Trần Thị Phương	Thảo				
60	4SAS-60	2107050117	Phạm Đức	Thịnh				

**DS thi: 60    Không đủ đk: 01    HA: 0    Đủ đk: 59    Dự thi:                    Bỏ thi:                    Tổng bài thi:**

**Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên: CBCT 1:**

**CBCT 2:**

## DANH SÁCH THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Môn học: Đất nước học Áo - Thụy Sĩ (61GER4SAS)

Ngày thi kết thúc học phần: 12h20, ngày 30/10/2024

Số tín chỉ: 2

Phòng thi:

CBCT:

STT	SBD	Mã SV	Họ và tên SV		Thi [60%]	Điểm thi	Ký tên	Ghi chú
1	4SAS-61	2107050118	Vũ Nguyễn Linh	Thư				
2	4SAS-62	2007050143	Nguyễn Quốc	Toàn				
3	4SAS-63	2107050124	Lê Phương	Trang				
4	4SAS-64	2107050125	Lê Thị Huyền	Trang				
5	4SAS-65	2107050128	Nguyễn Thị	Trang				
6	4SAS-66	2107050129	Nguyễn Thuý	Trang				
7	4SAS-67	2107050131	Dương Thị Lan	Trinh				
8	4SAS-68	2107050133	Vũ Kiều	Trinh				
9	4SAS-69	2107050136	Lã Vũ Hồng	Vân				
10	4SAS-70	2207050005	Lương Quỳnh	Anh				
11	4SAS-71	2107050010	Nguyễn Thị Kim	Anh				
12	4SAS-72	2107050011	Nguyễn Thị Tú	Anh				
13	4SAS-73	2107050013	Phạm Thị Châm	Anh				
14	4SAS-74	2107050014	Vũ Ngọc	Anh				
15	4SAS-75	2107050019	Nguyễn Thị Linh	Chi				
16		2107050020	Vũ Thị	Chi	HA	HA	HA	MT: Viết Hausarbeit (đang đi GIP)
17	4SAS-76	2107050023	Phạm Thị Thùy	Dung				
18	4SAS-77	2207050019	Nguyễn Việt Đình	Duy				
19	4SAS-78	2107050024	Lê Thị Thùy	Dương				
20	4SAS-79	2107050027	Trần Hoàng	Dương				
21	4SAS-80	2107050021	Vũ Thị	Đào				
22	4SAS-81	2107050029	Lê Thị Hương	Giang				
23	4SAS-82	2107050040	Nguyễn Trần Minh	Hiếu				
24	4SAS-83	2107050047	Ngô Quang	Huy				
25	4SAS-84	2007050064	Nghiêm Thị	Huyền				
26	4SAS-85	2007050061	Ngô Thảo	Hương				
27	4SAS-86	2107050051	Nguyễn Việt Gia	Khánh				
28	4SAS-87	2107050052	Bùi Khánh	Linh				
29	4SAS-88	2107050053	Lê Phương	Linh				

30		2107050056	Nguyễn Ái	Linh	HA	HA	HA	MT: Việt Hausarbeit (đang đi GIP)
31	4SAS-89	2107050057	Nguyễn Đỗ Hoài	Linh				
32	4SAS-90	2107050059	Nguyễn Thùy	Linh				
33	4SAS-91	2107050062	Trịnh Thị Đan	Linh				
34	4SAS-92	2107050063	Trịnh Thị Ngọc	Linh				
35	4SAS-93	2207050069	Vũ Phương	Linh				
36	4SAS-94	2207050072	Lê Thị Ngọc	Mai				
37	4SAS-95	2107050067	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				
38	4SAS-96	2107050069	Nguyễn Thị Thanh	Mai				
39	4SAS-97	2107050071	Trịnh Ngọc Quỳnh	Mai				
40	4SAS-98	2107050074	Hứa Thảo	My				
41	4SAS-99	2107050075	Lê Huyền	My				
42	4SAS-100	2107050085	Đỗ Thảo	Nguyên				
43	4SAS-101	2007050107	Hoàng Thị Hương	Nhi	CT	CT	CT	CT - Ng HP
44	4SAS-102	2107050087	Nguyễn Yên	Nhi				
45	4SAS-103	2107050094	Nguyễn Phương	Oanh				
46	4SAS-104	2007050116	Nguyễn Bích	Phượng				
47	4SAS-105	2007050117	Thân Thị Minh	Phượng				
48	4SAS-106	2107050099	Nguyễn Thu	Quỳnh				
49	4SAS-107	2107050103	Đỗ Minh	Tâm				
50	4SAS-108	2107050104	Lê Thanh	Tâm				
51	4SAS-109	2107050105	Nguyễn Thị	Tâm				
52	4SAS-110	2107050106	Đỗ Ngọc	Thạch				
53	4SAS-111	2107050107	Nguyễn Thị	Thanh				
54	4SAS-112	2107050110	Hoàng Bích	Thảo				
55	4SAS-113	2107050111	Nguyễn Phương	Thảo				
56	4SAS-114	2107050112	Nguyễn Thị Phương	Thảo				
57	4SAS-115	2107050119	Trần Thị Hiền	Thục				
58	4SAS-116	2107050130	Tô Thùy	Trang				
59	4SAS-117	2107050134	Lê Duy	Tùng				
60	4SAS-118	2207050123	Nguyễn Thu Thảo	Vi				
61	4SAS-119	2207050124	Trần Anh	Vũ				

DS thi: 61    Không đủ dk: 01    HA: 02    Đủ dk: 58    Dự thi:    Bỏ thi:    Tổng bài thi:

Cán bộ coi thi ký ghi rõ họ tên:    CBCT 1:    CBCT 2: